

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Công ty đã được soát xét.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.000.000.000.000 VND

*Trong đó:*

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 - 27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677

Fax : (84 – 650) 2 220 678

Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Số 236, Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Thôn Ngô Yển, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hà Nội	Phòng 604, tầng 06, toà nhà Noza, số 243 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Số 15-16, Lô B, KPTM Unitown, Đường Trần Quốc Toản, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện tử, hàng trang trí nội – ngoại thất;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông).

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 49).

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24 tháng 4 năm 2014 như sau:

	<b>VND</b>
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	7.685.298.970
- Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	700.000.000
- Trích thưởng Ban điều hành	500.000.000
- Chi trả cổ tức (14% vốn điều lệ)	140.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>148.885.298.970</b>

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### *Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	23 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Lan	Phó Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Ông Quảng Văn Viết Cương	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	24 tháng 4 năm 2014	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014

#### *Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	23 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

#### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-
Ông Hồ Hoàn Thành	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 5 năm 2014	-

# **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

---

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Công ty.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Nguyễn Văn Dành**  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0722/2014/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - VĂN PHÒNG CÔNG TY

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng Công ty gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Văn phòng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được soát xét đính kèm chỉ là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Để hiểu đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cần xem Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã được soát xét.



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.190.251.064.023</b>	<b>3.596.834.591.882</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>27.604.319.360</b>	<b>40.849.301.067</b>
1. Tiền	111		21.104.319.360	24.349.301.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	16.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.469.805.500</b>	<b>4.708.925.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.893.242.550	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.423.437.050)	(3.386.845.835)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>899.605.996.990</b>	<b>950.596.151.623</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	703.113.594.682	844.479.257.453
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	24.838.280.433	12.400.783.908
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		156.188.969.402	83.623.045.583
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	20.089.227.110	14.717.139.316
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.624.074.637)	(4.624.074.637)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.081.874.555.074</b>	<b>2.596.723.449.708</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.081.874.555.074	2.596.723.449.708
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>177.696.387.099</b>	<b>3.956.764.384</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		234.410.636	306.216.770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		165.679.102.790	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.24	7.717.175.439	363.070.807
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	4.065.698.234	3.287.476.807

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>559.272.773.085</b>	<b>609.778.146.247</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>329.172.033.302</b>	<b>370.574.325.989</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	329.172.033.302	370.574.325.989
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.485.977.801</b>	<b>66.896.017.457</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	37.075.821.302	43.325.951.516
<i>Nguyên giá</i>	222		52.464.097.979	59.937.032.404
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.388.276.677)	(16.611.080.888)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.725.191.734	6.810.523.361
<i>Nguyên giá</i>	228		7.821.692.743	7.821.692.743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.096.501.009)	(1.011.169.382)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	15.684.964.765	16.759.542.580
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.13</b>	<b>1.467.184.255</b>	<b>1.559.848.525</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(942.086.745)	(849.422.475)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>167.224.789.630</b>	<b>167.524.789.630</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	114.370.000.000	114.370.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	16.635.910.000	16.635.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	36.460.000.000	36.760.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(241.120.370)	(241.120.370)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.922.788.097</b>	<b>3.223.164.646</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	198.291.818	1.445.817.030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	912.150.791	912.150.791
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	812.345.488	865.196.825
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.749.523.837.108</b>	<b>4.206.612.738.129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG****VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.731.397.844.131</b>	<b>3.026.154.090.594</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.669.708.974.783</b>	<b>2.961.228.459.678</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	325.150.640.433	254.157.673.006
2. Phải trả người bán	312	V.22	2.857.947.609.151	1.380.315.537.311
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	542.001.831.682	295.107.662.398
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	-	45.849.375.698
5. Phải trả người lao động	315	V.25	1.857.440.611	4.337.267.876
6. Chi phí phải trả	316	V.26	706.595.505.437	746.125.522.666
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	235.735.060.534	233.993.816.571
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	340.673.672	349.860.579
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	80.213.263	991.743.573
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.688.869.348</b>	<b>64.925.630.916</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		89.989.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	58.474.983.645	61.325.587.643
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.31	3.123.896.703	3.600.043.273
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.018.125.992.977</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.018.125.992.977</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	4.640.739.814	4.640.739.814
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.32	28.331.589.757	28.331.589.757
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	13.537.934.890	13.537.934.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	(30.225.395.324)	132.107.259.234
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.749.523.837.108</b>	<b>4.206.612.738.129</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

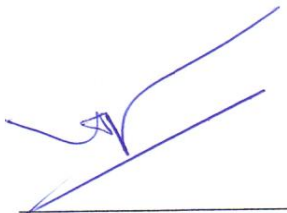
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

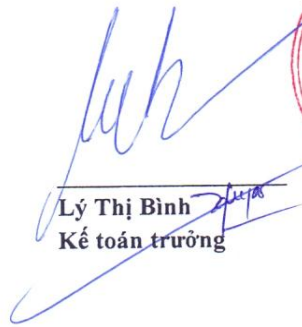
**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.224.277	14.224.277
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



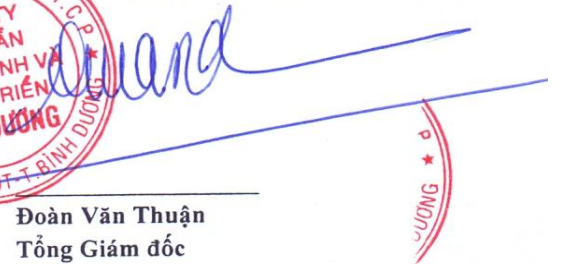
Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014



Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

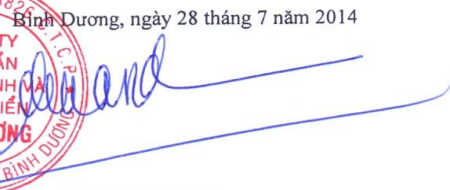
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	675.163.619.041	571.977.258.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	153.286.561.672	136.967.123.243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	521.877.057.369	435.010.135.492
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	491.924.340.814	375.013.740.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.952.716.555	59.996.394.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.852.604.118	5.349.552.677
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.968.439.252	19.008.203.048
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.192.376.578	17.007.994.773
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	27.077.136.214	25.302.758.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.584.015.780	16.803.084.877
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.824.270.573)	4.231.900.842
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.748.895.927	3.906.737.724
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.371.980.942	95.907.055
13. Lợi nhuận khác	40		7.376.914.985	3.810.830.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.447.355.588)	8.042.731.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	-	2.670.071.892
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(13.447.355.588)</u>	<u>5.372.659.619</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

  
 Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
 Người lập biểu

  
 Lý Thị Bình  
 Kế toán trưởng



  
 Đoàn Văn Thuận  
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(13.447.355.588)</b>	<b>8.042.731.511</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11, 13	3.131.818.454	2.822.831.431
- Các khoản dự phòng	03	V.3	(1.963.408.785)	1.596.265.650
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4.044.773.128	359.390.625
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(8.411.099.268)	(4.564.110.038)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.192.376.578	17.007.994.773
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>547.104.519</b>	<b>25.265.103.952</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.386.498.891)	264.087.779.540
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.485.151.105.366)	(257.906.699.759)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.642.054.308.195	302.182.333.656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.519.331.346	719.901.319
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.873.004.557)	(84.485.955.700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(41.548.120.062)	(30.593.077.666)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	8.256.393.600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.29	(9.796.829.280)	(17.784.215.177)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>53.365.185.904</b>	<b>209.741.563.765</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.300.000.000)	(12.402.247.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7	854.545.456	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.816.087.000	269.479.837
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	1.442.721.184	1.167.422.331
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.813.353.640</b>	<b>(10.965.345.169)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

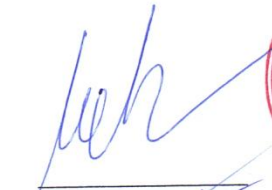
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21, 30	247.073.620.868	234.193.158.955
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, 30	(178.931.257.439)	(382.017.770.804)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27, 32	(137.565.884.680)	(48.945.095.960)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(69.423.521.251)</b>	<b>(196.769.707.809)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.244.981.707)</b>	<b>2.006.510.787</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>40.849.301.067</b>	<b>35.172.698.181</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>27.604.319.360</b>	<b>37.179.208.968</b>

  
 Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
 Người lập biểu

  
 Lý Thị Bình  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014  
  
  
 Đoàn Văn Thuận  
 Tổng Giám đốc

  
 CÔNG TY  
 HỮU HẠN  
 VÀ TƯ  
 C

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Văn phòng Công ty có 289 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 371 nhân viên).

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ Công ty có nhận chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất bê tông từ Công ty cổ phần và phát triển đô thị. Việc chuyển nhượng bao gồm mua tài sản và nhận toàn bộ nhân viên của bộ phận này phục vụ cho hoạt động sản xuất bê tông của Chi nhánh Công ty kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước.

Ngoài ra, Công ty còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương từ Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (Becamex ITC) để triển khai đầu tư dự án Unitown giai đoạn 3 từ năm 2014 đến 2018 và dự án TDC Dragon Hill. Giá trị chuyển nhượng đã thoản thuận là 5.220.708.600.000 VND.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

**6. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Khi bắt đầu sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

***Chi phí thuê văn phòng***

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

***Chi phí khác***

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

**12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Văn phòng Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Văn phòng Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Văn phòng Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Văn phòng Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

**14. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

**15. Nguồn vốn kinh doanh**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

**17. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Văn phòng Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD  
30/06/2014 : 21.360 VND/USD

**20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **21. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

**22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.504.573.264	3.030.494.227
Tiền gửi ngân hàng	17.599.746.096	21.318.806.840
Các khoản tương đương tiền (*)	6.500.000.000	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>27.604.319.360</u></b>	<b><u>40.849.301.067</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	7	154.000	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	6	60.000
<b>Cộng</b>		<b><u>4.893.242.550</u></b>		<b><u>8.095.770.935</u></b>

Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) giảm do nhượng bán 190.690 cổ phiếu.

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.386.845.835)	(2.281.647.335)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.575.190.000)
Hoàn nhập dự phòng	1.963.408.785	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(1.423.437.050)</u></b>	<b><u>(3.856.837.335)</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	258.350.244.468	216.262.139.714
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	444.763.350.214	628.217.117.739
<b>Cộng</b>	<b><u>703.113.594.682</u></b>	<b><u>844.479.257.453</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Uni - Town của các khách hàng kinh doanh bất động sản ngắn hạn và dài hạn có giá trị 163.000.000.000 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	20.093.338.399	12.400.783.908
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	3.498.287.834	-
Trả trước các nhà cung cấp khác	1.246.654.200	-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.838.280.433</u></b>	<b><u>12.400.783.908</u></b>

**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	5.202.133.109	7.229.777.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	837.535.754	2.094.941.506
Cổ tức phải thu	9.507.078.015	3.046.653.015
Phải thu tiền ứng vốn hoạt động	649.003.039	649.003.039
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	616.809.261	616.809.261
Các khoản phải thu khác	3.276.667.932	1.079.955.085
<b>Cộng</b>	<b><u>20.089.227.110</u></b>	<b><u>14.717.139.316</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	815.190.233	953.775.295
Công cụ dụng cụ	10.309.090	759.287.877
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(*)</sup>	3.580.375.226.244	2.042.193.390.269
Thành phẩm	-	3.239.371.522
Hàng hóa	500.673.829.507	549.577.624.745
<b>Cộng</b>	<b><u>4.081.874.555.074</u></b>	<b><u>2.596.723.449.708</u></b>

<sup>(\*)</sup> Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 409.001.882.644 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho nhân viên.

**9. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	33.330.665.027	8.878.815.417	16.687.528.840	956.762.035	83.261.085	59.937.032.404
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.754.113.762	10.151.743.685	20.991.472.521	38.571.000	-	35.935.900.968
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	1.694.067.177	-	-	1.694.067.177
Giảm do điều chuyển nội bộ	(5.019.074.825)	(15.233.306.067)	(23.156.454.501)	-	-	(43.408.835.393)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.694.067.177)	-	-	(1.694.067.177)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>33.065.703.964</b>	<b>3.797.253.035</b>	<b>14.522.546.860</b>	<b>995.333.035</b>	<b>83.261.085</b>	<b>52.464.097.979</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.706.411.133	161.904.762	1.116.437.594	487.350.035	83.261.085	3.555.364.609
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	5.762.210.045	2.176.785.847	7.832.851.046	755.972.865	83.261.085	16.611.080.888
Khấu hao trong kỳ	1.604.108.316	303.868.776	1.001.610.921	44.234.544	-	2.953.822.557
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	-	1.557.769.620	-	-	1.557.769.620
Giảm do điều chuyển nội bộ	(92.633.012)	(1.322.673.349)	(2.761.320.407)	-	-	(4.176.626.768)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.557.769.620)	-	-	(1.557.769.620)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.273.685.349</b>	<b>1.157.981.274</b>	<b>6.073.141.560</b>	<b>800.207.409</b>	<b>83.261.085</b>	<b>15.388.276.677</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	27.568.454.982	6.702.029.570	8.854.677.794	200.789.170	-	43.325.951.516
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.792.018.615</b>	<b>2.639.271.761</b>	<b>8.449.405.300</b>	<b>195.125.626</b>	<b>-</b>	<b>37.075.821.302</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	5.183.290.697	-	691.772.088	64.252.000	-	5.939.314.785

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 86.529.722.738 VND và 41.640.810.357 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.629.372.000	192.320.743	7.821.692.743
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.629.372.000</b>	<b>192.320.743</b>	<b>7.821.692.743</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	851.946.540	159.222.842	1.011.169.382
Khấu hao trong kỳ	76.293.720	9.037.907	85.331.627
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>928.240.260</b>	<b>168.260.749</b>	<b>1.096.501.009</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.777.425.460	33.097.901	6.810.523.361
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.701.131.740</b>	<b>24.059.994</b>	<b>6.725.191.734</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm					
TSCĐ	14.553.428.818	34.356.890.206	(33.729.787.206)	(200.000.000)	14.980.531.818
XDCB dở dang	2.206.113.762	704.432.947	(2.206.113.762)	-	704.432.947
<b>Cộng</b>	<b>16.759.542.580</b>	<b>35.061.323.153</b>	<b>(35.935.900.968)</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>15.684.964.765</b>

**13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	2.409.271.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.409.271.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	849.422.475
Khấu hao trong kỳ	92.664.270
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>942.086.745</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.559.848.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.467.184.255</b>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**14. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân <sup>(i)</sup>	3.600.000	36.000.000.000	3.600.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt <sup>(ii)</sup>	1.401.685	11.050.000.000	1.105.000	11.050.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex <sup>(iii)</sup>	1.566.000	15.660.000.000	1.566.000	15.660.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex <sup>(iv)</sup>	4.860.000	51.660.000.000	4.860.000	51.660.000.000
<b>Cộng</b>		<b>114.370.000.000</b>		<b>114.370.000.000</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 14.016.850.000 VND, tương đương 77,07% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2014 Công ty nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận bằng cổ phiếu - số tiền là 2.966.850.000 VND tương ứng 296.685 cổ phiếu. Sự kiện này làm cho số cổ phiếu đầu tư của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt tăng từ 1.105.000 cổ phiếu lên 1.401.685 cổ phiếu.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.

**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet <sup>(i)</sup>		2.235.910.000		2.235.910.000
Trường Đại học quốc tế Miền Đông <sup>(ii)</sup>		14.400.000.000	-	14.400.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.635.910.000</b>		<b>16.635.910.000</b>

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam <sup>(i)</sup>	-	-	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>36.460.000.000</u></b>		<b><u>36.760.000.000</u></b>

<sup>(i)</sup> Giảm do thu hồi lại vốn đã đầu tư.

**17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	-	-
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư dài hạn khác	(241.120.370)	(241.120.370)
<b>Cộng</b>	<b><u>(241.120.370)</u></b>	<b><u>(241.120.370)</u></b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	344.461.442	517.462.101	(146.169.624)	(517.462.101)	198.291.818
Chi phí thuê văn phòng	152.118.080	-	(152.118.080)	-	-
Chi phí khác	949.237.508	200.000.000	(949.237.508)	(200.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.445.817.030</u></b>	<b><u>717.462.101</u></b>	<b><u>(1.247.525.212)</u></b>	<b><u>(717.462.101)</u></b>	<b><u>198.291.818</u></b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**20. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	303.926.640.433	234.157.673.006
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	270.267.264.108	203.860.852.324
- Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	33.659.376.325	30.296.820.682
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30)	21.224.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>325.150.640.433</u></b>	<b><u>254.157.673.006</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng (xem thuyết minh số V.7).

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	254.157.673.006	196.217.506.780
Số tiền vay phát sinh	243.088.224.866	198.067.784.500
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.224.000.000	10.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(178.319.257.439)	(232.017.770.804)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>325.150.640.433</u></b>	<b><u>172.267.520.476</u></b>

**22. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	121.653.543.378	1.250.913.153.015
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.697.753.781.662	127.001.874.112
Phải trả các nhà cung cấp khác	38.540.284.111	2.400.510.184
<b>Cộng</b>	<b><u>2.857.947.609.151</u></b>	<b><u>1.380.315.537.311</u></b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	247.472.191.326	235.144.707.145
Các khoản người mua trả tiền trước khác	294.529.640.356	59.962.955.253
<b>Cộng</b>	<b><u>542.001.831.682</u></b>	<b><u>295.107.662.398</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.782.297.690	-	(11.626.316.643)	(844.018.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.024.605.532	-	(41.506.312.093)	(6.481.706.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản	41.807.969	-	(41.807.969)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(363.070.807)	642.180.072	(670.559.190)	(391.449.925)
Thuế nhà đất	-	259.816.000	(259.816.000)	-
Thuế môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Các loại thuế khác	664.507	214.500.000	(215.164.507)	-
<b>Cộng</b>	<b>45.486.304.891</b>	<b>1.126.496.072</b>	<b>(54.329.976.402)</b>	<b>(7.717.175.439)</b>

Các loại Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

***Thuế giá trị gia tăng***

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Văn phòng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.447.355.588)	8.042.731.511
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	6.863.466.707
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(13.447.355.588)	14.906.198.218
Thu nhập được miễn thuế	(7.773.506.600)	(4.225.910.651)
Thu nhập tính thuế	(21.220.862.188)	10.680.287.567
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i></b>	-	2.670.071.892
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động bất động sản đã tạm nộp</i></b>	-	<b>(155.915.109)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	-	<b>2.514.156.783</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

***Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản***

Văn phòng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

***Các loại thuế khác***

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**25. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả.

**26. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	1.680.627.979
Trích trước chi phí hoa hồng	-	3.125.418.804
Lãi cổ tức trả chậm	9.080.794.800	9.080.794.800
Trích trước chi phí công trình	697.514.710.637	732.238.681.083
<b>Cộng</b>	<b><u>706.595.505.437</u></b>	<b><u>746.125.522.666</u></b>

**27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	315.715.870	244.875.609
Cổ tức phải trả	202.874.252.512	200.440.137.192
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	23.673.452.313	24.831.684.749
Tiền mua cổ phần	3.010.245.948	3.010.245.948
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	50.000.000	50.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	852.163.743	859.678.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.959.230.148	2.557.194.448
<b>Cộng</b>	<b><u>235.735.060.534</u></b>	<b><u>233.993.816.571</u></b>

**28. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	349.860.579	7.016.625.444
Số đã sử dụng	-	(442.699.365)
Hoàn nhập trong kỳ	9.186.907	(2.597.886.395)
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(142.405.560)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>340.673.672</u></b>	<b><u>3.833.634.124</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	229.554.971	6.287.971.885	(7.574.163.280)	(1.056.636.424)
Quỹ phúc lợi	381.040.639	1.397.327.085	(966.666.000)	811.701.724
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	381.147.963	1.200.000.000	(1.256.000.000)	325.147.963
<b>Cộng</b>	<b><u>991.743.573</u></b>	<b><u>8.885.298.970</u></b>	<b><u>(9.796.829.280)</u></b>	<b><u>80.213.263</u></b>

**30. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	56.762.983.645	57.777.587.643
- Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	1.712.000.000	3.548.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>58.474.983.645</u></b>	<b><u>61.325.587.643</u></b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown có giá trị 643.000.000.000 VND và một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe Bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai thuộc quyền sở hữu của Công ty.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Dưới 01 năm	21.224.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	58.474.983.645
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>79.698.983.645</u></b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	61.325.587.643	194.008.035.762
Số tiền vay phát sinh	3.985.396.002	36.125.374.455
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.224.000.000)	(10.000.000.000)
Số tiền vay đã trả	(612.000.000)	(150.000.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>58.474.983.645</u></b>	<b><u>70.133.410.217</u></b>

**31. Doanh thu chưa thực hiện**

Lãi bán nhà trả góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**32. Vốn chủ sở hữu**

***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

***Cổ tức***

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 137.565.884.680 VND (cùng kỳ năm trước là 48.945.095.960 VND).

***Cổ phiếu***

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	675.163.619.041	571.977.258.735
- <i>Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	<i>236.338.818.239</i>	<i>230.301.247.934</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.727.972.456</i>	<i>4.539.465.290</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>433.069.409.263</i>	<i>336.526.982.670</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.027.419.083</i>	<i>609.562.841</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	(153.286.561.672)	(136.967.123.243)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>521.877.057.369</u></b>	<b><u>435.010.135.492</u></b>
<i>Trong đó:</i>	-	-
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i>	<i>236.266.462.877</i>	<i>230.301.247.934</i>
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>4.727.972.456</i>	<i>4.539.465.290</i>
- <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	<i>279.855.202.953</i>	<i>199.559.859.427</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.027.419.083</i>	<i>609.562.841</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	229.184.694.400	220.877.791.953
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup>	4.585.845.061	3.862.603.400
Giá vốn kinh doanh bất động sản	257.491.680.022	149.962.850.533
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	662.121.331	310.495.030
<b>Cộng</b>	<b>491.924.340.814</b>	<b>375.013.740.916</b>

<sup>(i)</sup> Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	904.609.493	3.462.325.542
Chi nhân công trực tiếp	92.435.000	241.715.000
Chi phí sản xuất chung	376.036.292	617.274.623
Tổng chi phí sản xuất	1.373.080.785	4.321.315.165
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(26.607.246)	(56.701.150)
Tổng giá thành sản xuất	1.346.473.539	4.264.614.015
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	3.239.371.522	(388.164.915)
Chênh lệch thành phẩm nhập xuất khác	-	(13.845.700)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>4.585.845.061</b>	<b>3.862.603.400</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	129.639.584	338.199.387
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	169.634.984	76.427.432
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.773.506.600	4.225.910.651
Lãi bán hàng trả chậm	476.146.570	549.683.312
Doanh thu hoạt động tài chính khác	303.676.380	159.331.895
<b>Cộng</b>	<b>8.852.604.118</b>	<b>5.349.552.677</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.192.376.578	17.007.994.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.044.773.128	359.390.625
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.963.408.785)	1.596.265.650
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	686.441.385	-
Chi phí khác	8.256.946	44.552.000
<b>Cộng</b>	<b>19.968.439.252</b>	<b>19.008.203.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.162.163.741	7.432.337.973
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	402.915.221	404.454.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.877.348.498	1.683.330.917
Chi phí hoa hồng môi giới	422.644.725	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.383.969.149	4.150.716.838
Chi phí khác	9.024.292.353	11.631.918.029
<b>Cộng</b>	<b><u>27.077.136.214</u></b>	<b><u>25.302.758.486</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.005.287.356	8.076.928.839
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	449.597.494	96.214.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.238.756.154	1.513.313.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	910.919.998	832.624.044
Chi phí khác	4.979.454.778	6.284.003.768
<b>Cộng</b>	<b><u>12.584.015.780</u></b>	<b><u>16.803.084.877</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	854.545.456	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	9.186.907	2.597.886.395
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.884.540.732	773.234.708
Thu nhập khác	622.832	535.616.621
<b>Cộng</b>	<b><u>8.748.895.927</u></b>	<b><u>3.906.737.724</u></b>

**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	136.297.557	-
Chi phí khác	1.235.683.385	95.907.055
<b>Cộng</b>	<b><u>1.371.980.942</u></b>	<b><u>95.907.055</u></b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.442.280.003	6.549.512.547
Chi phí nhân công	13.627.006.737	16.133.624.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.131.818.454	2.793.861.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.303.996.407	5.318.808.042
Chi phí khác	18.648.316.565	162.477.163.561
<b>Cộng</b>	<b><u>43.153.418.166</u></b>	<b><u>193.272.970.337</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	665.000.000	630.000.000
Tiền thưởng	315.000.000	236.000.000
<b>Cộng</b>	<b>980.000.000</b>	<b>866.000.000</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty con
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Văn phòng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp-TNHH một thành viên</b>		
Cổ tức phải trả	84.980.700.000	78.910.650.000
Thu hộ tiền bán đất	612.000.000	-
Bán nguyên vật liệu	21.545.298.690	-
Bán thành phẩm, bất động sản	118.890.989.902	30.809.998.847
<b>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</b>		
Bán nguyên vật liệu	39.801.171.895	10.731.980.929
Mua dịch vụ thi công công trình	41.309.475.137	33.482.741.633
Cổ tức được chia	1.483.425.000	924.849.000
<b>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	14.123.092.205	16.768.297.435
Cổ tức được chia	-	1.561.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ thi công cửa	4.153.637.170	3.126.614.454
<b>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</b>		
Mua nguyên liệu	5.746.320.500	7.318.435.959
<b>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.225.165.900	1.925.286.260
Cổ tức được chia	2.187.000.000	-
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	-	1.613.236.849
Cổ tức được chia	-	286.045.500
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Mua nguyên vật liệu	546.212.500	-
<b>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	17.000.000.000
Doanh thu xây dựng công trình	68.261.454.000	-
Cổ tức được chia	2.720.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	66.018.183	-
Nhận cung cấp dịch vụ	1.183.600	-
<b>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	31.500.000.000
<b>Công ty liên doanh TNHH Sin Việt</b>		
Mua nước tinh khiết	3.100.000	4.230.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</b>		
Cổ tức được chia	-	433.709.000
Mua nguyên vật liệu	6.049.161.734	-
<b>Công ty cổ phần phát triển đô thị</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.110.256.316	-
Mua tài sản	29.787.743.685	-
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</b>		
Tiền mua dự án đầu tư khu đô thị thành phố mới Bình Dương	1.630.088.595.645	-
Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Bán bất động sản	51.984.067.156	79.975.491.156
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	1.599.216.396	3.599.216.396
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	45.980.000
<b>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	41.940.957.154	35.412.763.103
Ứng tiền mua dịch vụ thi công cửa	4.129.012.170	-
Phải thu cổ tức	1.561.000.000	1.561.000.000
<b>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</b>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	2.064.940.000	2.064.940.000
Bán nguyên vật liệu	47.981.151.549	4.194.688.675
Phải thu khác	32.625.000	-
Cổ tức phải thu	1.483.425.000	-
<b>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</b>		
Ứng tiền mua nguyên vật liệu	3.000.000.000	3.000.000.000
Bán thành phẩm	58.178.958	58.178.958
Bán tài sản cố định hữu hình	330.000.000	330.000.000
Cổ tức phải thu	2.187.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	-	2.465.399.790
<b><i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Phải thu thuê căn hộ	-	50.760.000
Phải thu thi công xây dựng công trình	123.380.000	-
Cổ tức phải thu	2.720.000.000	-
<b><i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore</i></b>		
Xây dựng công trình	3.278.276.802	3.278.276.802
<b><i>Công ty cổ phần dược Becamex</i></b>		
Cho thuê căn hộ	-	198.000.000
Cổ tức phải thu	70.000.000	-
<b><i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i></b>		
Xây dựng công trình	59.052.623.418	65.052.623.418
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>223.595.853.603</u></b>	<b><u>201.287.318.298</u></b>
<b><i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i></b>		
Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi	9.080.794.800	9.080.794.800
Cổ tức phải trả	200.311.650.000	200.311.650.000
Thu hộ tiền bán đất	672.147.938.857	891.535.938.857
Ứng tiền xây dựng công trình	285.671.955.743	23.382.740.069
<b><i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i></b>		
Tiền mua nguyên vật liệu	3.091.751.473	4.004.666.000
<b><i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	1.221.281.946	-
Mua tài sản	32.766.518.054	-
Phải trả tiền mua cổ phần	3.010.245.948	5.010.245.948
<b><i>Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt</i></b>		
Mua dịch vụ thi công công trình	25.858.309.738	29.087.055.087
<b><i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i></b>		
Tiền thi công cửa phải trả	-	9.108.995.858
<b><i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.001.106.250	709.521.450

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	4.947.911.784	2.230.432.500
<b><i>Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương</i></b>		
Mua nhà	120.000.000	2.400.000.000
<b><i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	154.143.660	346.976.740
<b><i>Công ty cổ phần dược Becamex</i></b>		
Mua đất nền	92.454.639.550	138.561.138.550
Ứng tiền thi công công trình	5.802.000.000	6.000.000.000
<b><i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i></b>		
Ứng tiền thi công công trình	-	23.771.899.850
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương		
Phải trả tiền mua bất động sản	1.791.168.482.217	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>3.129.808.730.020</u></b>	<b><u>1.345.542.055.709</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Văn phòng Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Văn phòng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Văn phòng Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Văn phòng Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

#### ***Tổng quan***

Hoạt động của Văn phòng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phê duyệt.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty.

Văn phòng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### ***Phải thu khách hàng***

Văn phòng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Văn phòng Công ty yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Văn phòng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Văn phòng Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.604.319.360	-	27.604.319.360
Phải thu khách hàng	1.025.302.676.584	6.982.951.400	1.032.285.627.984
Các khoản phải thu khác	14.861.903.735	-	14.861.903.735
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.820.060.000	19.533.182.550	41.353.242.550
<b>Cộng</b>	<b>1.089.588.959.679</b>	<b>26.516.133.950</b>	<b>1.116.105.093.629</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.849.301.067	-	40.849.301.067
Phải thu khách hàng	1.210.364.638.102	4.688.945.340	1.215.053.583.442
Các khoản phải thu khác	6.257.617.225	-	6.257.617.225
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.120.060.000	22.735.710.935	44.855.770.935
<b>Cộng</b>	<b>1.279.591.616.394</b>	<b>27.424.656.275</b>	<b>1.307.016.272.669</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ	325.150.640.433	58.474.983.645	383.625.624.078
Phải trả người bán	2.857.947.609.151	-	2.857.947.609.151
Các khoản phải trả khác	941.162.686.358	-	941.162.686.358
<b>Cộng</b>	<b>4.124.260.935.942</b>	<b>58.474.983.645</b>	<b>4.182.735.919.587</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	254.157.673.006	61.325.587.643	315.483.260.649
Phải trả người bán	1.380.315.537.312	-	1.380.315.537.312
Các khoản phải trả khác	979.014.785.003	-	979.014.785.003
<b>Cộng</b>	<b>2.613.487.995.321</b>	<b>61.325.587.643</b>	<b>2.674.813.582.964</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Văn phòng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty mua một số dịch vụ với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Văn phòng Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	(1.437.562,50)	(1.437.562,50)
Các khoản phải trả khác	(13.075.720,00)	(13.075.720,00)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc USD</b>	<b><u>(14.513.282,50)</u></b>	<b><u>(14.513.282,50)</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Văn phòng Công ty sẽ giảm/tăng 6.200.074.284 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 4.386.639.636 VND).

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Văn phòng Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 383.625.624.078 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 315.483.260.649 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 7.672.512.482 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.636.013.960 VND)

*Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Văn phòng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty là không đáng kể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

*Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Văn phòng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Tài sản đảm bảo*

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza	26.000.000.000	26.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	137.000.000.000	137.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>166.000.000.000</u></b>	<b><u>166.000.000.000</u></b>

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

*Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Văn phòng Công ty không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.604.319.360	-	40.849.301.067	-	27.604.319.360	40.849.301.067
Phải thu khách hàng	1.032.285.627.984	(4.624.074.637)	1.215.053.583.442	(4.624.074.637)	960.627.695.313	1.045.577.657.848
Các khoản phải thu khác	14.861.903.735	-	6.257.617.225	-	14.861.903.735	6.257.617.225
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	41.353.242.550	(1.664.557.420)	44.855.770.935	(3.627.966.205)	39.688.685.130	41.227.804.730
<b>Cộng</b>	<b><u>1.116.105.093.629</u></b>	<b><u>(6.288.632.057)</u></b>	<b><u>1.307.016.272.669</u></b>	<b><u>(8.252.040.842)</u></b>	<b><u>1.042.782.603.538</u></b>	<b><u>1.133.912.380.870</u></b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Vay và nợ	383.625.624.078	315.483.260.649	383.625.624.078
Phải trả người bán	2.857.947.609.151	1.380.315.537.311	2.857.947.609.151	1.380.315.537.311
Các khoản phải trả khác	941.162.686.358	979.014.785.003	941.162.686.358	979.014.785.003
<b>Cộng</b>	<b><u>4.182.735.919.587</u></b>	<b><u>2.674.813.582.963</u></b>	<b><u>4.182.735.919.587</u></b>	<b><u>2.674.813.582.963</u></b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Văn phòng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Văn phòng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014



**Huỳnh Thị Ánh Tuyết**  
Người lập biểu

**Lý Thị Bình**  
Kế toán trưởng

**Đoàn Văn Thuận**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

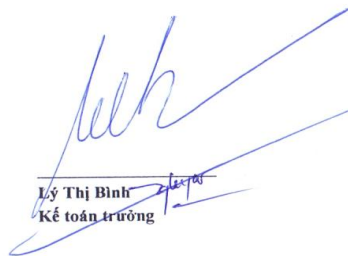
**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	28.331.589.757	13.537.934.890	144.060.569.072	1.192.411.957.373
Lợi nhuận trong năm						127.844.086.162	127.844.086.162
Trích lập các quỹ trong năm trước						(9.797.396.000)	(9.797.396.000)
Chia cổ tức trong năm trước						(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ năm trước</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>28.331.589.757</b>	<b>13.537.934.890</b>	<b>132.107.259.234</b>	<b>1.180.458.647.535</b>
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	28.331.589.757	13.537.934.890	132.107.259.234	1.180.458.647.535
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(13.447.355.588)	(13.447.355.588)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(8.885.298.970)	(8.885.298.970)
Chia cổ tức năm kỳ này	-	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.841.123.840</b>	<b>4.640.739.814</b>	<b>28.331.589.757</b>	<b>13.537.934.890</b>	<b>(30.225.395.324)</b>	<b>1.018.125.992.977</b>



Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
 Người lập biểu



Lý Thị Bình  
 Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

Đoàn Văn Thuận  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	240.994.435.333	-	279.855.202.953	1.027.419.083	-	521.877.057.369
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>240.994.435.333</b>	<b>-</b>	<b>279.855.202.953</b>	<b>1.027.419.083</b>	<b>-</b>	<b>521.877.057.369</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.913.712.075	-	(403.429.486)	365.297.752	-	2.875.580.341
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(12.584.015.780)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(9.708.435.439)
Doanh thu hoạt động tài chính						8.852.604.118
Chi phí tài chính						(19.968.439.252)
Thu nhập khác						8.748.895.927
Chi phí khác						(1.371.980.942)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>(13.447.355.588)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>34.493.319.548</b>	<b>2.864.476.468</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>37.357.796.016</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>436.785.517</b>	<b>-</b>	<b>3.849.893.879</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.286.679.396</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ trước</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	230.301.247.934	5.149.028.131	199.559.859.427	-	-	435.010.135.492
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>230.301.247.934</b>	<b>5.149.028.131</b>	<b>199.559.859.427</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>435.010.135.492</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.300.242.751	289.624.087	29.299.767.172	-	-	34.889.634.010
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(16.999.082.797)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						17.890.551.213
Doanh thu hoạt động tài chính						5.349.552.677
Chi phí tài chính						(19.008.203.048)
Thu nhập khác						3.906.737.724
Chi phí khác						(95.907.055)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(2.670.071.892)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>5.372.659.619</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.540.789.718</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.540.789.718</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.180.296.566</b>	<b>477.931.557</b>	<b>1.621.369.456</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.279.597.579</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

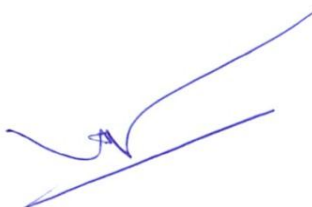
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	431.143.014.072	-	4.910.355.540.719	-	-	5.341.498.554.791
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						408.025.282.317
<b>Tổng tài sản</b>						<b>5.749.523.837.108</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	419.119.183.734	-	3.725.557.678.958	-	-	4.144.676.862.692
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						586.720.981.439
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>4.731.397.844.131</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	223.641.435.308	8.969.282.569	3.640.085.164.976	-	-	3.872.695.882.853
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						333.916.855.276
<b>Tổng tài sản</b>						<b>4.206.612.738.129</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	127.001.874.112	2.400.510.184	2.278.259.496.496	-	-	2.407.661.880.792
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						618.492.209.802
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>3.026.154.090.594</b>



Huỳnh Thị Ánh Tuyết  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc